

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h, khoản 2 Điều 39, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 502/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông V Q A, sinh năm: 1972;

- Bà N T H, sinh năm: 1978;

Cùng địa chỉ X, đường N H, phường A P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông V Q A và bà N T H cùng có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là loại việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

cấp ngày 24/3/2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông V Q A và bà N T H là hợp pháp. Thời gian đầu ông bà chung sống khá H phúc cho đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Rất nhiều lần, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa hai không thể giải quyết. Từ năm 2016, ông A và bà H đã không còn chung sống với nhau, mạnh aiấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung cũng đã không còn, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông V Q A và bà N T H xác nhận có 02 (hai) con chung tên V T Â, sinh ngày 10/01/2002 và V K N, sinh ngày 20/11/2003. Các con đều đã thành niên nên muốn ở với ai tùy ý.

- Về tài sản chung: Tự giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà N T H tự nguyện chịu. Ông V Q A không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thỏa thuận nêu trên của Ông V Q A và bà N T H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên ông V Q A và bà N T H là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V Q A và bà N T H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông V Q A và bà N T H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình TH, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/3/2000 chấm dứt kể từ ngày quyết định này phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông V Q A và bà N T H xác nhận có 02 (hai) con chung tên V T Â, sinh ngày 10/01/2002 và V K N, sinh ngày 20/11/2003. Các con đều đã thành niên nên muốn ở với ai tùy ý.

- Về tài sản chung: Tự giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà N T H tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số

AA/2018/0028230 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 26/11/2020.
Ông V Q A không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức, TP.HCM;
- UBND phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Thị Hoài